

TĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 928/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia
giai đoạn 2026 - 2030

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 26/5/2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng
ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của
Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ triển khai
Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về
phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại
Tờ trình số 61/TTr-NHNN ngày 15 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia
giai đoạn 2026 - 2030” (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với những nội dung
chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện tài chính toàn diện có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ
của khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò
kiến tạo; khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể là động lực quan trọng
thúc đẩy tài chính toàn diện.

2. Thúc đẩy tài chính toàn diện đi đôi với sự an toàn, hiệu quả và bền
vững của cả hệ thống tài chính; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh, bảo mật,
bảo vệ dữ liệu cá nhân, chú trọng đến các rủi ro trong quá trình cung ứng
sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ tài chính số.

3. Lấy đối tượng của tài chính toàn diện làm trung tâm trong thiết kế
chính sách, phát triển và cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính; chú trọng
bảo vệ người tiêu dùng tài chính.

4. Lấy công nghệ hiện đại, đổi mới sáng tạo làm thành tố quan trọng thúc đẩy tài chính toàn diện.

5. Áp dụng có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp đột phá thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam trong điều kiện mới.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU

1. Đối tượng

Đối tượng của Chiến lược là tất cả mọi người dân và doanh nghiệp; trong đó, nhóm đối tượng ưu tiên gồm:

- a) Người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo;
- b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ gia đình có thu nhập thấp; cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, cá nhân thuộc hộ có mức sống trung bình, cá nhân có thu nhập thấp;
- c) Học sinh, sinh viên;
- d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; trong đó, chú trọng doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh có chủ là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo;
- đ) Các đối tượng yếu thế khác.

2. Mục tiêu tổng quát

Hình thành hệ sinh thái tài chính toàn diện hiện đại, an toàn và bao trùm, góp phần nâng cao đời sống của người dân, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Phấn đấu mọi người dân và doanh nghiệp, nhất là nhóm đối tượng ưu tiên được tiếp cận một cách bình đẳng, toàn diện các sản phẩm, dịch vụ tài chính, hưởng thụ đầy đủ các thành quả từ Chiến lược, góp phần đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và an sinh xã hội trong quá trình phát triển.

3. Chỉ tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2030 đạt được một số chỉ tiêu cụ thể sau:

- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác;
- Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP;
- Ít nhất 30% người trưởng thành gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Ít nhất 300.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế đạt khoảng 25%;

- Ít nhất 75% người trưởng thành có thông tin về lịch sử tín dụng trong hệ thống thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Doanh thu ngành bảo hiểm đạt quy mô khoảng 3,3 - 3,5% GDP.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện

a) Theo dõi tình hình thực hiện, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về hoạt động đại lý thanh toán.

b) Nghiên cứu, ban hành chính sách tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng, từng bước tạo lập nền tảng pháp lý cho việc hình thành, phát triển mô hình ngân hàng số.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc nghiên cứu, ban hành mới quy định pháp luật về cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ tài chính số để tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính.

d) Hoàn thiện chính sách và quy định pháp luật về thanh tra, giám sát trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

đ) Hoàn thiện chính sách và quy định pháp luật về dữ liệu, quản trị dữ liệu bảo đảm an ninh, an toàn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của các đơn vị vận hành nền tảng số, hệ thống giao dịch điện tử trong việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, kết nối, chia sẻ, giao dịch dữ liệu số; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, các danh mục lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu, các quy định về dữ liệu phi danh tính; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về quản lý chất lượng dữ liệu.

e) Nghiên cứu, ban hành quy định về tiếp cận, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cho phép các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật, trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phục vụ cho việc nhận biết, xác thực khách hàng bằng phương thức điện tử trực tuyến trong các hoạt động cấp tín dụng.

g) Nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật để tăng cường sự kết nối liên thông giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác.

h) Hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính, mở rộng kênh phân phối ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

i) Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia.

k) Theo dõi tình hình thực hiện, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về bảo hiểm vi mô.

2. Phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, kênh phân phối hiện đại nhằm hỗ trợ các đối tượng của Chiến lược được tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện với chi phí hợp lý

a) Phát huy vai trò của các định chế tài chính chuyên biệt có định hướng hoạt động phù hợp với mục tiêu của tài chính toàn diện, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân.

b) Phát triển đa dạng các kênh phân phối hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, chi phí hợp lý:

- Đẩy mạnh phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính số, ngân hàng số, đặc biệt là qua thiết bị di động cho người dân và doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo;

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức viễn thông tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, trên cơ sở hợp tác, cạnh tranh lành mạnh với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng sản phẩm, dịch vụ của các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ở khu vực này tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính.

3. Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, dễ sử dụng hướng đến các đối tượng của Chiến lược

a) Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho các đối tượng của Chiến lược được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

- Thúc đẩy việc thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó: (i) Đẩy mạnh thực hiện thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách nhà nước bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ; (ii) Đẩy mạnh thanh toán bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của người dân và doanh nghiệp đối với thu, nộp thuế, phí, lệ phí, thu phạt hành chính, thanh toán học phí, viện phí, hóa đơn định kỳ; (iii) Đẩy mạnh thu thuế điện tử, hoàn thiện các quy định về thuế đối với các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt là kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ và các hoạt động mô hình kinh doanh mới khác; (iv) Đẩy mạnh số hóa việc chi trả các hoạt động trợ cấp, an sinh xã hội;

- Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát triển các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền dễ sử dụng, chi phí thấp, thuận tiện, an toàn, phù hợp nhu cầu, điều kiện của người dân và doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo;

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán áp dụng các chính sách ưu đãi, miễn, giảm phí liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử hợp lý để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, trong đó ưu tiên áp dụng cho người có công với cách mạng;

- Khuyến khích các doanh nghiệp trả lương cho người lao động và thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản.

b) Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nông thôn:

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, tại khu vực nông thôn;

- Phát triển các sản phẩm bảo hiểm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp;

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong xây dựng và triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi xanh trong ngành nông nghiệp.

c) Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình, nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa,

hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó, chú trọng đến doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh có chủ là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo;

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tín dụng, bảo lãnh tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất cho vay và bảo lãnh tín dụng.

d) Nghiên cứu, phát triển các mô hình cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số kết hợp giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức công nghệ tài chính cho nhóm đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội:

- Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính và tổ chức công nghệ tài chính trong phát triển và cung ứng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và các đối tượng ưu tiên khác của tài chính toàn diện;

- Hỗ trợ các tổ chức tài chính vi mô, chương trình, dự án tài chính vi mô trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi; tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ tham gia và hỗ trợ hoạt động tài chính vi mô phát triển;

- Tăng cường xã hội hóa nguồn lực tài chính trong cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính vi mô.

4. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ tài chính số thúc đẩy tài chính toàn diện

a) Hoàn thiện hạ tầng thanh toán điện tử, tạo nền tảng phát triển hệ sinh thái ngân hàng số và kinh tế số: Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, phát triển và ứng dụng công nghệ mới thúc đẩy giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh, xác thực điện tử góp phần thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng;

- Kết nối liên thông, mở, chia sẻ dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tài chính toàn diện phục vụ việc đánh giá, giám sát Chiến lược; định kỳ lồng ghép chỉ tiêu tài chính toàn diện vào cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

d) Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, đầy đủ, chất lượng trên nền tảng công nghệ hiện đại, tích hợp được đầy đủ thông tin từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; từng bước mở rộng các nguồn thông tin từ các tổ chức ngoài ngành Ngân hàng để cung cấp kịp thời, đa dạng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

đ) Nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khách hàng của ngân hàng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành Ngân hàng.

e) Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng mạng dây và di động trên toàn quốc, đảm bảo Internet tốc độ cao.

g) Xây dựng và vận hành hiệu quả hạ tầng dịch vụ tài chính số dùng chung.

5. Triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia và Chương trình công dân số trên phạm vi cả nước; đẩy mạnh bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính

a) Xây dựng, triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng vùng miền; lồng ghép giáo dục tài chính trong nhà trường, đào tạo nghề và các chương trình an sinh xã hội; tăng cường giáo dục tài chính số, đảm bảo người dân có thể sử dụng an toàn, hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ tài chính số:

- Đẩy mạnh giáo dục tài chính qua hệ thống giáo dục chính thức và các chương trình truyền thông, nhất là các kiến thức về dịch vụ tài chính số, an toàn thông tin, an ninh, bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, góp phần tạo dựng niềm tin người tiêu dùng dịch vụ tài chính; hình thành thói quen quản lý tài chính cá nhân từ sớm cho nhóm đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động trẻ để hình thành tư duy tài chính bền vững;

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp về kiến thức và kỹ năng giáo dục tài chính;

- Nâng cao kỹ năng tài chính cho người sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiểu biết và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có tính chất quản trị rủi ro; nâng cao năng lực kế toán, quản lý tài chính của các hợp tác xã, hộ kinh doanh;

- Tăng cường hợp tác giữa các tổ chức tài chính với các đại học, trường đại học, học viện, các tổ chức đào tạo quốc tế để cung cấp chương trình đào tạo chuyên sâu về tư vấn tài chính.

b) Triển khai Chương trình Công dân số trên phạm vi cả nước:

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có tài khoản số, góp phần hình thành công dân số;

- Nghiên cứu triển khai việc trang bị thiết bị công nghệ cho các đối tượng của Chiến lược để sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính.

c) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính:

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù dịch vụ, tài chính số và nhóm đối tượng yếu thế;

- Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ đối với người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ tài chính;

- Thúc đẩy vai trò cho vay có trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong đó nhấn mạnh đến tăng cường kiến thức tài chính cho khách hàng vay, đặc biệt là quyền được tiếp cận và bảo vệ thông tin tín dụng, cơ chế giải quyết kiến nghị, phản ánh và chỉnh sửa sai sót thông tin.

6. Thúc đẩy tài chính bền vững, tài chính khí hậu và tài chính toàn diện

a) Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính ưu tiên nguồn vốn cho vay người dân và doanh nghiệp thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị; phát triển đa dạng các sản phẩm tài chính xanh, tín dụng xanh để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi xanh.

b) Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính mở rộng các sản phẩm tín dụng vi mô.

c) Khuyến khích các công ty bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm, bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d) Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các mô hình công nghệ tài chính để mở rộng khả năng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính cho nhóm đối tượng ưu tiên.

7. Tăng cường bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo mô hình bảo vệ 4 lớp các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

b) Xây dựng nền tảng giám sát an ninh mạng tập trung với sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sự cố an ninh mạng.

c) Ban hành quy định về tiêu chuẩn an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số, đảm bảo mức độ bảo mật cao nhất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính.

8. Các giải pháp hỗ trợ khác

a) Đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Tăng cường sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tín dụng chính sách xã hội, tạo thuận lợi cung ứng tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội.

c) Đẩy mạnh hợp tác về tài chính toàn diện với các quốc gia và các tổ chức phát triển quốc tế trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam.

d) Ưu tiên bố trí nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược.

đ) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện đến các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, người dân và doanh nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Chiến lược được phê duyệt, hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch hành động của đơn vị mình, gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp;

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Chương trình hành động và các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan:

- Tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai Chiến lược và xây dựng các báo cáo tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược định kỳ hàng năm;

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Chiến lược, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết);

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Chiến lược sau năm 2030, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, chịu trách nhiệm theo dõi việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm:

- Chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên, đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để thực hiện Chiến lược;

- Chủ trì, chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu Doanh thu ngành bảo hiểm đạt quy mô khoảng 3,3 - 3,5% GDP;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan đẩy mạnh số hóa việc chi trả các hoạt động trợ cấp, an sinh xã hội;

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có liên quan lồng ghép các mục tiêu tài chính toàn diện trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; định kỳ lồng ghép chỉ tiêu tài chính toàn diện vào cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

4. Bộ Công an chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan hoàn thiện khung khổ pháp lý về dữ liệu, quản trị dữ liệu, hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư kết nối liên thông đến các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tăng cường bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh tài chính, tiền tệ, phòng chống tội phạm tài chính.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm: Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của xã hội về tài chính toàn diện và tình hình thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện của Việt Nam.

6. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo dõi sự phát triển của tài chính toàn diện trên thế giới và trong khu vực; tìm hiểu mô hình, chính sách, kinh nghiệm của các nước về phát triển tài chính toàn diện;

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng cường tham gia các chương trình, diễn đàn quốc tế về tài chính toàn diện, đẩy mạnh hợp tác về tài chính toàn diện với các quốc gia và các tổ chức phát triển quốc tế trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam.

7. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan hoàn thiện khung khổ pháp lý và thiết lập cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù tài chính số và nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng, triển khai Chương trình giáo dục tài chính quốc gia; lồng ghép giáo dục tài chính trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đào tạo nghề và các chương trình an sinh xã hội.

9. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức công nghệ tài chính; các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác; các hội, hiệp hội ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp chủ động triển khai Chiến lược, đề xuất các kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai.

10. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn để thực hiện Chiến lược bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, vốn tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Chiến lược để xây dựng dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ giao cho các bộ, ngành, địa phương trong các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.


2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 4. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

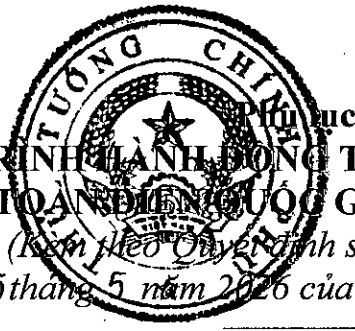
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, NC, QHQT, PL;
- Lưu: VT, KTTH (2).MCường.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



★ Nguyễn Văn Thắng



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 928/QĐ-TTg
ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
1	Theo dõi tình hình thực hiện, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về hoạt động đại lý thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	Nghiên cứu, ban hành chính sách tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng, từng bước tạo lập nền tảng pháp lý cho việc hình thành, phát triển mô hình ngân hàng số	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc nghiên cứu, ban hành mới quy định pháp luật về cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nhất là những sản phẩm, dịch vụ tài chính số để tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
4	Hoàn thiện chính sách và quy định pháp luật về thanh tra, giám sát trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ
5	Hoàn thiện chính sách và quy định pháp luật về dữ liệu, quản trị dữ liệu bảo đảm an ninh, an toàn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của các đơn vị vận hành nền tảng số, hệ thống giao dịch điện tử trong việc thu thập, lưu trữ, sử dụng, kết nối, chia sẻ, giao dịch dữ liệu số; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, các danh mục lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu, các quy định về dữ liệu phi danh tính; nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về quản lý chất lượng dữ liệu	Bộ Công an
6	Nghiên cứu, ban hành quy định về tiếp cận, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cho phép các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật, trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phục vụ cho việc nhận biết, xác thực khách hàng bằng phương thức điện tử trực tuyến trong các hoạt động cấp tín dụng	Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
7	Nghiên cứu, ban hành quy định pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật để tăng cường sự kết nối liên thông giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính khác	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
8	Hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính, mở rộng kênh phân phối ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
10	Theo dõi tình hình thực hiện, rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về bảo hiểm vi mô	Bộ Tài chính
11	Phát huy vai trò của các định chế tài chính chuyên biệt có định hướng hoạt động phù hợp với mục tiêu của tài chính toàn diện, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	Đẩy mạnh phát triển và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính số, ngân hàng số, đặc biệt là qua thiết bị di động cho người dân và doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
13	Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức công nghệ tài chính, tổ chức viễn thông tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, trên cơ sở hợp tác, cạnh tranh lành mạnh với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an
14	Mở rộng độ bao phủ các điểm cung ứng sản phẩm, dịch vụ của các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ở khu vực này tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
15	Thúc đẩy việc thanh toán, chi trả không dùng tiền mặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó: (i) Đẩy mạnh thực hiện thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách nhà nước bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ; (ii) Đẩy mạnh thanh toán bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của người dân và doanh nghiệp đối với thu, nộp thuế, phí, lệ phí, thu phạt hành chính, thanh toán học phí, viện phí, hóa đơn định kỳ; (iii) Đẩy mạnh thu thuế điện tử, hoàn thiện các quy định về thuế đối với các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
	là kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ và các hoạt động mô hình kinh doanh mới khác; (iv) Đẩy mạnh số hóa việc chi trả các hoạt động trợ cấp, an sinh xã hội	
16	Khuyến khích hợp tác giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức công nghệ tài chính và các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phát triển các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền, dễ sử dụng, chi phí thấp, thuận tiện, an toàn, phù hợp nhu cầu, điều kiện của người dân và doanh nghiệp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
17	Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán áp dụng các chính sách ưu đãi, miễn, giảm phí liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử hợp lý để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, trong đó ưu tiên áp dụng đối cho người có công với cách mạng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
18	Khuyến khích các doanh nghiệp trả lương cho người lao động và thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua tài khoản	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19	Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, tại khu vực nông thôn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
20	Phát triển các sản phẩm bảo hiểm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp	Bộ Tài chính
21	Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong xây dựng và triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi xanh trong ngành nông nghiệp	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
22	Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình, nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó, chú trọng đến doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh có chủ là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
23	Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tín dụng, bảo lãnh tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất cho vay và bảo lãnh tín dụng	Bộ Tài chính

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
24	Khuyến khích hợp tác giữa các giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính và tổ chức công nghệ tài chính trong phát triển và cung ứng đa dạng sản phẩm, dịch vụ tài chính cho tới người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo và các đối tượng ưu tiên khác của tài chính toàn diện	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
25	Hỗ trợ các tổ chức tài chính vi mô, chương trình, dự án tài chính vi mô trong việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi; tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ tham gia và hỗ trợ hoạt động tài chính vi mô phát triển	Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
26	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực tài chính trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính vi mô	Bộ Tài chính
27	Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, phát triển và ứng dụng công nghệ mới thúc đẩy giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
28	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh, xác thực điện tử góp phần thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng	Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
29	Kết nối liên thông, mở, chia sẻ dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Bộ Công an
30	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tài chính toàn diện phục vụ việc đánh giá, giám sát Chiến lược; định kỳ lồng ghép chỉ tiêu tài chính toàn diện vào cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
31	Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, đầy đủ, chất lượng trên nền tảng công nghệ hiện đại, tích hợp được đầy đủ thông tin từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; từng bước mở rộng các nguồn thông tin từ các tổ chức ngoài ngành Ngân hàng để cung cấp kịp thời, đa dạng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
32	Nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khách hàng của ngân hàng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành Ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
33	Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng mạng dây và di động trên toàn quốc, đảm bảo Internet tốc độ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ
34	Xây dựng và vận hành hiệu quả hạ tầng dịch vụ tài chính số dùng chung	Bộ Công an, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
35	Đẩy mạnh giáo dục tài chính qua hệ thống giáo dục chính thức và các chương trình truyền thông, nhất là các kiến thức về dịch vụ tài chính số, an toàn thông tin, an ninh bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, góp phần tạo dựng niềm tin người tiêu dùng dịch vụ tài chính; hình thành thói quen quản lý tài chính cá nhân từ sớm cho nhóm đối tượng học sinh, sinh viên, người lao động trẻ để hình thành tư duy tài chính bền vững	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
36	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp về kiến thức và kỹ năng giáo dục tài chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo
37	Nâng cao kỹ năng tài chính cho người sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiểu biết và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có tính chất quản trị rủi ro; nâng cao năng lực kế toán, quản lý tài chính của các hợp tác xã, hộ kinh doanh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
38	Tăng cường hợp tác giữa các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính với các đại học, trường đại học, học viện, các tổ chức đào tạo quốc tế để cung cấp chương trình đào tạo chuyên sâu về tư vấn tài chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
39	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có tài khoản số, góp phần hình thành công dân số	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ
40	Nghiên cứu triển khai việc trang bị thiết bị công nghệ cho các đối tượng của Chiến lược để sử dụng sản phẩm, dịch vụ tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
41	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính đồng bộ, hiệu quả, có tính đến đặc thù dịch vụ, tài chính số và nhóm đối tượng yếu thế	Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
42	Minh bạch hóa cơ cấu phí và các loại phí dịch vụ đối với người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
43	Thúc đẩy vai trò cho vay có trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong đó nhấn mạnh đến tăng cường kiến thức tài chính cho khách hàng vay, đặc biệt là quyền được tiếp cận và bảo vệ thông tin tín dụng, cơ chế giải quyết kiến nghị, phản ánh và chỉnh sửa sai sót thông tin	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
44	Khuyến khích các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, ưu tiên nguồn vốn cho vay người dân và doanh nghiệp thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị; phát triển đa dạng các sản phẩm tài chính xanh, tín dụng xanh để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi xanh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
45	Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính mở rộng các sản phẩm tín dụng vi mô	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì nghiên cứu đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền
46	Khuyến khích các công ty bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm, bảo hiểm hưu trí bổ sung	Bộ Tài chính
47	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các mô hình công nghệ tài chính để mở rộng khả năng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính cho nhóm đối tượng ưu tiên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
48	Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo mô hình bảo vệ 4 lớp các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ
49	Xây dựng nền tảng giám sát an ninh mạng tập trung với sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sự cố an ninh mạng	Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
50	Ban hành quy định về tiêu chuẩn an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số, đảm bảo mức độ bảo mật cao nhất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
51	Đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
52	Tăng cường sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tín dụng chính sách xã hội, tạo thuận lợi cung ứng tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính
53	Đẩy mạnh hợp tác về tài chính toàn diện với các quốc gia và các tổ chức phát triển quốc tế trong việc thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam	Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
54	Ưu tiên bố trí nguồn lực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược	Bộ Tài chính
55	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và ý nghĩa của tài chính toàn diện đến các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính, người dân và doanh nghiệp	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam